



**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ**
Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo tài chính giữa niên độ	
• Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 28

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 đã được soát xét.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/12/2025. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HEV. Ngày giao dịch đầu tiên là 11/12/2007.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2026: 50.000.000.000 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Số 187B Phố Giảng Võ, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: 0243.9718437
- Email: info@hevobooks.com

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Đặng Trần Bảo Tín	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2026
• Bà Nguyễn Bích Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2026
• Ông Doãn Hữu Đoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/06/2026
• Bà Lê Phương Thảo	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/06/2026
• Bà Dương Thanh Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/06/2026
• Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/06/2026
• Ông Phạm Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025 Miễn nhiệm ngày 12/06/2026
• Bà Đoàn Linh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25/04/2025 Miễn nhiệm ngày 12/06/2026

Ban Kiểm soát

• Ông Nguyễn Hoàng Đức Việt	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2026
• Bà Lê Thị Nhi	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2026

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- | | | |
|-------------------------|---------|----------------------------|
| • Bà Tạ Thị Thanh Huyền | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 12/06/2026 |
| • Phạm Gia Huấn | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 05/04/2022 |
| | | Miễn nhiệm ngày 12/06/2026 |

Giám đốc và Phụ trách Kế toán

- | | | |
|--------------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Trần Đình Hoàng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/03/2023 |
| • Bà Nguyễn Thị Thu Hiền | Phụ trách Kế toán | Bổ nhiệm ngày 15/10/2025 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hòa Cường, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người đại diện theo pháp luật



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Số 218 Đường 30/4, Phường Hoà Cường, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: <http://www.aac.com.vn>

Số: 882/2026/BCSX-AAC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ lập ngày 14/08/2026 của Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 28, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, chúng tôi không thấy có vấn đề gì để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2026 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Tại báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ số 130825.005/BCTC.KT7 ngày 13/08/2025, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra kết luận toàn phần đối với báo cáo tài chính của Công ty. Tại báo cáo kiểm toán số 346/2026/UHY-BCKT ngày 21/04/2026, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ về tính hiện hữu của hàng tồn kho (giá trị hàng tồn kho tại ngày 31/12/2025 là 6.314.390.028 đồng, tại ngày 01/01/2025 là 6.004.141.381 đồng) và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác do không tham gia chứng kiến kiểm kê.



Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1021-2023-010-1

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu số B 01a - DN
Ban hành theo TT số 99/2025/TT - BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		67.282.006.597	67.616.608.697
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.328.832.996	55.065.489.942
1. Tiền	111		1.320.113.818	53.447.207.792
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.008.719.178	1.618.282.150
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		59.489.747.780	6.410.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	6	59.489.747.780	6.410.000.000
2. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		679.985.942	1.345.972.399
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	812.472.799	1.193.954.496
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	166.940.013	278.341.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9	50.818.241	175.772.014
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	10	(350.245.111)	(302.095.111)
IV. Hàng tồn kho	140	11	4.625.711.781	4.787.800.886
1. Hàng tồn kho	141		6.111.776.907	6.314.390.028
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(1.486.065.126)	(1.526.589.142)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		157.728.098	7.345.470
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	12.a	95.490.211	7.345.470
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		62.237.887	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		188.542.171	259.831.436
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		151.197.803	251.996.336
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	151.197.803	251.996.336
- Nguyên giá	222		1.209.582.400	1.209.582.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.058.384.597)	(957.586.064)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		-	-
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		37.344.368	7.835.100
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	12.b	37.344.368	7.835.100
2. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		67.470.548.768	67.876.440.133

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.276.330.374	3.274.823.985
I. Nợ ngắn hạn	310		3.276.330.374	3.274.823.985
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	2.428.430.923	2.207.349.190
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	638.822.437	518.609.121
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	16	4.230.830	14.757.970
4. Phải trả người lao động	315		838.111	355.308.111
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		1.053.000	158.445.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	17	202.931.010	20.330.530
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		24.063	24.063
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		64.194.218.394	64.601.616.148
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	18	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412	18	14.170.000.000	14.170.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	18	962.203.411	962.203.411
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	(937.985.017)	(530.587.263)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a	18	(530.587.263)	218.061.385
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b	18	(407.397.754)	(748.648.648)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		67.470.548.768	67.876.440.133

Người đại diện theo pháp luật

Phụ trách Kế toán

Người lập biểu



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
GIỮA NIÊN ĐỘ**
Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026

Mẫu số B 02a - DN
Ban hành theo TT số 99/2025/TT - BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026 VND	6 tháng đầu năm 2025 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	2.793.950.032	4.598.558.614
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		2.793.950.032	4.598.558.614
4. Giá vốn hàng bán	11	21	1.748.885.663	2.921.135.724
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cung cấp dịch vụ	20		1.045.064.369	1.677.422.890
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	22	1.383.967.527	206.563.499
8. Chi phí tài chính	23		-	-
Trong đó: Chi phí đi vay	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	23.a	1.126.960.245	731.656.701
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23.b	1.711.438.856	1.467.257.720
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(409.367.205)	(314.928.032)
12. Thu nhập khác	31	24	2.840.000	-
13. Chi phí khác	32		870.549	-
14. Lợi nhuận khác	40		1.969.451	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(407.397.754)	(314.928.032)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(407.397.754)	(314.928.032)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(81)	(315)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(81)	(315)

Người đại diện theo pháp luật

Phụ trách Kế toán

Người lập biểu



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2026

Mẫu số B 03a - DN
Ban hành theo TT số 99/2025/TT - BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026 VND	6 tháng đầu năm 2025 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		3.095.645.045	6.134.924.662
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(2.548.946.810)	(7.781.029.123)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.620.710.646)	(1.290.506.437)
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		67.635.935	7.100.000
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(351.729.208)	(315.972.520)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1.358.105.684)	(3.245.483.418)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		200.000.000	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(62.218.000.000)	(8.794.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		9.348.000.000	8.283.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6,22	1.291.448.738	179.470.334
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(51.378.551.262)	(331.529.666)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(52.736.656.946)	(3.577.013.084)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	55.065.489.942	4.771.133.329
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	2.328.832.996	1.194.120.245

Người đại diện theo pháp luật

Phụ trách Kế toán

Người lập biểu



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo TT số 99/2025/TT - BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ-TC ngày 11/06/2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101517669 ngày 28/07/2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) Thành phố Hà Nội. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 23/12/2025. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là HEV Ngày giao dịch đầu tiên là 11/12/2007.

1.2. **Lĩnh vực kinh doanh:** In ấn và kinh doanh văn phòng phẩm, sách, báo.

1.3. **Ngành nghề kinh doanh:** In ấn, bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

1.4. **Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:** Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng

1.5. **Số lượng người lao động:** Tại ngày 30/06/2026, Công ty có 21 người lao động.

1.6. Tính chất so sánh được của các thông tin trên Báo cáo tài chính:

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán bắt đầu/sau ngày 01/01/2026), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các văn bản sửa đổi bổ sung của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Trừ các trường hợp Thông tư số 99/2025/TT-BTC quy định hồi tố, các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính đính kèm được Công ty áp dụng phi hồi tố. Các thay đổi trọng yếu trong chính sách kế toán Công ty và ảnh hưởng đối với Báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của Báo cáo tài chính:

Tiền và tương đương tiền (Thuyết minh số 4.1)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4.2).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Riêng báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 (bắt đầu từ ngày 01/01/2026 và kết thúc vào ngày 30/06/2026).

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. Các chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng

4.1 Các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản tiền gửi không kỳ hạn và tương đương tiền chỉ được ghi nhận tại khoản mục “Tiền và tương đương tiền” khi Công ty không bị hạn chế sử dụng các khoản tiền này.

4.2 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, bao gồm: các khoản tiền gửi có kỳ hạn, giấy tờ có giá (các loại tín phiếu, kỳ phiếu, chứng chỉ tiền gửi), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, các khoản cho vay, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác hoặc có bản chất tương tự và không bao gồm các công cụ phái sinh.

Các khoản đầu tư được nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo số tiền thực chi để mua khoản đầu tư. Trường hợp có phát sinh chiết khấu/phụ trội khi mua, Công ty thực hiện phân bổ khoản chiết khấu, phụ trội đó vào doanh thu hoạt động tài chính theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của khoản đầu tư. Trường hợp phần phụ trội của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phân bổ hàng kỳ lớn hơn phần lãi theo lãi suất danh nghĩa hàng kỳ của khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thì phần chênh lệch này được hạch toán vào chi phí tài chính.

Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu có dấu hiệu hoặc bằng chứng cho thấy khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của công ty có thể bị tổn thất.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi, được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thanh toán hoặc chưa đến hạn thanh toán nhưng có bằng chứng cho thấy khoản phải thu có thể bị tổn thất do khách nợ chết, mất tích, bỏ trốn hoặc khó có khả năng/không có khả năng thanh toán nợ; đã lâm vào tình trạng phá sản; đang làm thủ tục phá sản, giải thể; đang bị truy tố, giam giữ, xét xử; đang thi hành án; đang mắc bệnh hiểm nghèo; đã yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được; đã khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án hoặc các lý do khác,...

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, Công ty ước tính mức trích dự phòng dựa trên phân tích tuổi nợ cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn nợ gốc, kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng xuất kho được xác định số lượng và giá trị theo từng lần phát sinh và hạch toán theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó đến vị trí và trạng thái cần thiết để nó có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó vượt trên mức tiêu chuẩn ban đầu. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Phương tiện vận tải

6

4.6 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động

4.7 Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ được phân loại thành chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và chi phí chờ phân bổ dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

doanh của nhiều kỳ kế toán; do đó, cần phân bổ các khoản chi phí này một cách phù hợp từng kỳ. Các chi phí chờ phân bổ chủ yếu tại Công ty gồm:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 2 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán và được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có đủ chứng từ, hồ sơ, tài liệu kế toán. Các khoản chi phí phải trả cụ thể tại Công ty là phí đầu thầu của sách đã in.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.11 Doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi Công ty đã hoặc sẽ thu được các lợi ích kinh tế, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức từ các cổ phiếu đã lưu ký tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được từ các Công ty khác được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn của Công ty được xác lập.
 - ✓ Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.14 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí thuế TNDN bổ sung theo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ hoặc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

4.15 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.16 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT: Các loại sách đại học và dạy nghề là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế. Áp dụng mức thuế suất 5% đối với các loại sách thông thường, sách kỹ năng; các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, các sản phẩm, dịch vụ biên tập, xuất bản giáo trình điện tử được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 của Chính phủ

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền và tương đương tiền không bị hạn chế sử dụng	30/06/2026	01/01/2026
Tiền mặt	41.516.589	53.853.990
Tiền gửi không kỳ hạn	1.278.597.229	53.393.353.802
- Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	1.198.122.835	1.016.841.090
- Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội	2.304.692	52.281.718.795
- Tại các tổ chức khác	78.169.702	94.793.917
Tương đương tiền (*)	1.008.719.178	1.618.282.150
- Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Kiên Long	1.000.000.000	1.618.282.150
- Lãi dự thu tại Ngân hàng TMCP Kiên Long	8.719.178	-
Cộng	2.328.832.996	55.065.489.942

(*) Tương đương tiền tại thời điểm 30/06/2026 là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Kiên Long, lãi suất 4,75%/năm và lãi dự thu của khoản tiền gửi có kỳ hạn nêu trên.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	59.489.747.780	59.489.747.780	-	6.410.000.000	6.410.000.000	-
- Tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín (i)	52.280.000.000	52.280.000.000	-	-	-	-
- Tại Ngân hàng TMCP Kiên Long (ii)	7.000.000.000	7.000.000.000	-	6.410.000.000	6.410.000.000	-
- Lãi dự thu	209.747.780	209.747.780	-	-	-	-
Cộng	59.489.747.780	59.489.747.780	-	6.410.000.000	6.410.000.000	-

(i) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 8,6%

(ii) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất từ 6,5%/năm đến 7,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty CP Sách và TBTH Lai Châu	134.042.650	-	57.160.450	-
Công ty CP Công nghệ giáo dục AES	238.388.504	-	238.388.504	-
Các đối tượng khác	440.041.645	(189.745.111)	898.405.542	(189.745.111)
Cộng	812.472.799	(189.745.111)	1.193.954.496	(189.745.111)

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Công ty TNHH In Nhật Hàn	160.500.000	(160.500.000)	160.500.000	(112.350.000)
Các đối tượng khác	6.440.013	-	117.841.000	-
Cộng	166.940.013	(160.500.000)	278.341.000	(112.350.000)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Tạm ứng	13.142.241	-	13.142.241	-
Phải thu người lao động	3.500.000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	34.176.000	-	22.176.000	-
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước	22.176.000	-	22.176.000	-
- Ký cược, ký quỹ khác	12.000.000	-	-	-
Phải thu khác	-	-	140.453.773	-
Cộng	50.818.241	-	175.772.014	-

Công ty đặt cọc cho Công ty CP Cơ khí Xây dựng và Lắp máy điện nước 22.176.000 đồng theo hợp đồng thuê nhà xưởng số 0105/2025/HĐ/HEVOB-COMAEL.1 ngày 03/04/2025 và hợp đồng thuê xưởng số 0107/2025/HĐ/HEVOB-COMAEL.01 ngày 30/06/2026 để làm kho chứa vật tư, hàng hóa. Theo đó, thời gian thu hồi tiền đặt cọc là ngày 30/06/2027 theo thời hạn của hợp đồng hoặc khi hai bên chấm dứt giao dịch thuê hợp đồng thuê (trong trường hợp không gia hạn thời gian thuê).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

10. Nợ xấu

	30/06/2026			01/01/2026		
	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Nguyên nhân dự phòng	Giá trị gốc nợ	Giá trị có thể thu hồi	Nguyên nhân dự phòng
Phải thu khách hàng	202.197.971	12.452.860		202.197.971	12.452.860	
- Công ty CP Sách và TBTH Đắk Nông	39.476.625	-	Nợ quá hạn	39.476.625	-	Nợ quá hạn
- Các đối tượng khác	162.721.346	12.452.860	Nợ quá hạn	162.721.346	12.452.860	Nợ quá hạn
Trả trước cho người bán	160.500.000	-		160.500.000	48.150.000	
- Công ty TNHH In Nhật Hàn	160.500.000	-	Nợ quá hạn	160.500.000	48.150.000	Nợ quá hạn
Cộng	362.697.971	12.452.860		362.697.971	60.602.860	

11. Hàng tồn kho

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.147.000	-	411.893	-
Chi phí SX, KD dở dang	31.000.000	-	218.562.215	-
Sản phẩm	5.713.911.560	(1.125.346.779)	5.725.124.649	(1.259.639.786)
Hàng hóa	360.718.347	(360.718.347)	370.291.271	(266.949.356)
Cộng	6.111.776.907	(1.486.065.126)	6.314.390.028	(1.526.589.142)

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng khả năng tiêu thụ chậm tại ngày 30/06/2026 là 3. 487.229.456 đồng.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả tại ngày 30/06/2026.

Dự phòng hàng tồn kho

	Dự phòng tại 01/01/2026	Trích lập trong kỳ	Hoàn nhập trong kỳ	Dự phòng tại 30/06/2026	Nguyên nhân
Sản phẩm	1.259.639.786	-	134.293.007	1.125.346.779	Hàng đã trích lập dự phòng nhưng bán được trong kỳ
Hàng hóa	266.949.356	93.768.991	-	360.718.347	Lạc hậu về nội dung, không thể bán
Cộng	1.526.589.142	93.768.991	134.293.007	1.486.065.126	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí chờ phân bổ

a. Ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	30.849.536	7.345.470
Phí thầu xuất bản, phí quản lý xuất bản	30.307.342	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	34.333.333	-
Cộng	95.490.211	7.345.470

b. Dài hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	37.344.368	7.835.100
Cộng	37.344.368	7.835.100

13. Tài sản cố định hữu hình

	Xe ô tô con Kia (BKS 30G-978.44)	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	1.209.582.400	1.209.582.400
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối kỳ	1.209.582.400	1.209.582.400
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	957.586.064	957.586.064
Khấu hao trong kỳ	100.798.533	100.798.533
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối kỳ	1.058.384.597	1.058.384.597
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	251.996.336	251.996.336
Số dư cuối kỳ	151.197.803	151.197.803

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay tại ngày 30/06/2026.
- Không có TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Công ty CP In Phúc Yên	366.760.381	313.398.520
Công ty CP Văn hóa Hà Nội	354.041.000	337.549.000
Các đối tượng khác	1.707.629.542	1.556.401.670
Cộng	2.428.430.923	2.207.349.190

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
Hà Kim Huế	250.000.000	50.000.000
Công ty CP Cao Trần	124.183.200	124.183.200
Các đối tượng khác	264.639.237	344.425.921
Cộng	638.822.437	518.609.121

16. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	01/01/2026 Phải nộp	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	30/06/2026 Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	13.852.055	13.852.055	-
Thuế thu nhập cá nhân	14.757.970	90.778.722	101.305.862	4.230.830
Các loại thuế khác	-	870.549	870.549	-
Cộng	14.757.970	105.501.326	116.028.466	4.230.830

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2026	01/01/2026
Thù lao HĐQT	180.000.000	-
Kinh phí công đoàn	22.931.010	20.330.530
Cộng	202.931.010	20.330.530

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	218.061.385	13.070.264.796
Tăng vốn trong kỳ	40.000.000.000	12.280.000.000	-	-	52.280.000.000
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(748.648.648)	(748.648.648)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2025	<u>50.000.000.000</u>	<u>14.170.000.000</u>	<u>962.203.411</u>	<u>(530.587.263)</u>	<u>64.601.616.148</u>
Số dư tại 01/01/2026	50.000.000.000	14.170.000.000	962.203.411	(530.587.263)	64.601.616.148
Lỗi trong kỳ	-	-	-	(407.397.754)	(407.397.754)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2026	<u>50.000.000.000</u>	<u>14.170.000.000</u>	<u>962.203.411</u>	<u>(937.985.017)</u>	<u>64.194.218.394</u>

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2026	01/01/2026
Bà Nguyễn Thị Thu Đông	40.000.000.000	40.000.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>50.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	50.000.000.000	10.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	50.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ, cổ phiếu mua lại của chính mình)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(530.587.263)	218.061.385
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(407.397.754)	(314.928.032)
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(937.985.017)	(96.866.647)

19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính

a. Tài sản thuê ngoài

	30/06/2026	01/01/2026
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn từ 1 năm trở xuống	401.385.600	403.603.200

Công ty có các hợp đồng thuê hoạt động sau:

- Hợp đồng thuê nhà xưởng số 0105/2025/HĐ/HEVOB-COMAEL.01 ngày 03/04/2025 và hợp đồng thuê xưởng số 0107/2025/HĐ/HEVOB-COMAEL.01 ngày 30/06/2026 với Chi nhánh Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước:
 - Diện tích đất thuê: 288 m² tại 86 Phố Phú Viên, Phường Bồ Đề, TP Hà Nội;
 - Thời gian thuê: từ ngày 01/05/2025 đến tháng hết ngày 30/06/2027 và hết thời hạn thuê, có thể gia hạn nếu có thông báo bằng văn bản cho bên cho thuê trước 1 tháng;
 - Mục đích thuê: làm nhà xưởng sản xuất và kho chứa vật tư, hàng hóa;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Hình thức thuê nhà xưởng: Thuê nhà xưởng trả tiền hàng quý.
- Đơn giá thuê: 77.000 đồng/m2/tháng (Đơn giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)
- Hợp đồng thuê cơ sở vật chất số 12/HĐKT-2024 ngày 10/02/2024 với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:
 - Diện tích thuê: 146,4 m² tại Tầng 3, Nhà B, 187B Phố Giảng Võ, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội;
 - Thời gian thuê: 36 tháng (từ ngày 01/01/2024 đến tháng hết ngày 31/12/2026), hai bên tiếp tục ký gia hạn hợp đồng thuê nếu có nhu cầu;
 - Mục đích thuê: làm văn phòng làm việc;
 - Đơn giá thuê: 154.000 đồng/m2/tháng (Đơn giá đã bao gồm thuế GTGT 10%)

b. Nợ khó đòi đã xử lý

	VND	Nguyên nhân xóa nợ
Ông Ma Doãn Ngoại (Sở Giáo dục Đào tạo Bắc Kạn)	45.446.334	Nợ không thu hồi được
Công ty CP Việt Thường - Nhà sách Cảo Thơm	50.234.301	Nợ không thu hồi được
Nhà sách Tiến Thọ	30.293.000	Nợ không thu hồi được

20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Doanh thu bán sản phẩm	2.719.104.032	4.116.418.322
Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.846.000	52.046.669
Doanh thu khác	-	430.093.623
Cộng	2.793.950.032	4.598.558.614

21. Giá vốn hàng bán

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Giá vốn của sản phẩm đã bán	1.789.409.679	2.164.521.288
Giá vốn dịch vụ	-	24.206.160
Giá vốn khác	-	191.184.889
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(40.524.016)	541.223.387
Cộng	1.748.885.663	2.921.135.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. Doanh thu hoạt động tài chính

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.383.967.527	206.563.499
Cộng	1.383.967.527	206.563.499

23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Tiền lương nhân viên bán hàng	983.980.126	450.294.350
Chi phí thuê kho	120.960.000	120.960.000
Các khoản khác	22.020.119	160.402.351
Cộng	1.126.960.245	731.656.701

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Chi phí lương, thù lao bộ phận quản lý	711.510.984	637.303.607
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.798.533	100.798.533
Chi phí thuê văn phòng	122.976.000	122.976.000
Các khoản khác	728.003.339	600.419.580
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	48.150.000	5.760.000
Cộng	1.711.438.856	1.467.257.720

24. Thu nhập khác

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Thu từ thanh lý công cụ dụng cụ không sử dụng	2.840.000	-
Cộng	2.840.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(407.397.754)	(314.928.032)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	165.870.549	114.000.000
- Điều chỉnh tăng	165.870.549	114.000.000
+ Thù lao của HĐQT không chuyên trách	165.000.000	114.000.000
+ Các chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	870.549	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(241.527.205)	(200.928.032)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

26. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(407.397.754)	(314.928.032)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(407.397.754)	(314.928.032)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	1.000.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	(81)	(315)

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.464.893	162.587.692
Chi phí nhân công	1.695.491.110	1.336.452.808
Chi phí khấu hao tài sản cố định	100.798.533	100.798.533
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.463.006.897	3.274.229.694
Chi phí khác bằng tiền	326.523.331	245.981.418
Cộng	4.587.284.764	5.120.050.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là thực hiện dịch phát hành sách và một bộ phận địa lý chính là Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

29. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá nguyên liệu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Do không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ và các khoản đi vay nên Công ty không chịu rủi ro về tỷ giá, lãi suất. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Chi phí in ấn chiếm phần lớn trong giá vốn hàng bán nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in để giảm chi phí.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau. Công ty cũng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ và thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

30/06/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.428.430.923	-	2.428.430.923
Chi phí phải trả	1.053.000	-	1.053.000
Phải trả khác	180.000.000	-	180.000.000
Cộng	2.609.483.923	-	2.609.483.923

01/01/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	2.207.349.190	-	2.207.349.190
Chi phí phải trả	158.445.000	-	158.445.000
Cộng	2.365.794.190	-	2.365.794.190

Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

30/06/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.328.832.996	-	2.328.832.996
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	59.489.747.780	-	59.489.747.780
Phải thu khách hàng	622.727.688	-	622.727.688
Phải thu khác	37.676.000	-	37.676.000
Cộng	62.478.984.464	-	62.478.984.464

01/01/2026	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.066.510.737	-	55.066.510.737
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.549.432.978	-	6.549.432.978
Phải thu khách hàng	1.004.209.385	-	1.004.209.385
Phải thu khác	22.176.000	-	22.176.000
Cộng	62.642.329.100	-	62.642.329.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Chức danh	Thu nhập, thù lao	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát				
Đặng Trần Bảo Tín	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)	Thù lao	30.000.000	24.000.000
Nguyễn Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	Thù lao	21.000.000	21.000.000
Tạ Thị Thanh Huyền	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 12/06/2026)	Thù lao	17.500.000	21.000.000
Phạm Quỳnh	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 12/06/2026)	Thù lao	17.500.000	7.000.000
Đoàn Linh Hương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 12/06/2026)	Thù lao	17.500.000	7.000.000
Doãn Hữu Đoàn	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/06/2026)	Thù lao	3.500.000	-
Dương Thanh Tâm	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/06/2026)	Thù lao	3.500.000	-
Lê Phương Thảo	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 12/06/2026)	Thù lao	3.500.000	-
Nguyễn Hoàng Đức Việt	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2026)	Thù lao	21.000.000	15.000.000
Lê Thị Nhi	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2026)	Thù lao	15.000.000	-
Tạ Thị Thanh Huyền	Thành viên Ban kiểm soát (Bổ nhiệm lại ngày 12/06/2026)	Thù lao	2.500.000	-
Phạm Gia Huân	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 12/06/2026)	Thù lao	12.500.000	15.000.000
Nguyễn Thị Thu Hiền	Thư ký HĐQT kiêm CBTT	Thù lao	15.000.000	-
Thu nhập của Giám đốc và Kế toán trưởng				
Trần Đình Hoàng	Giám đốc	Lương, thưởng, phụ cấp	138.130.000	139.260.000
Nguyễn Thị Thu Hiền	Phụ trách Kế toán	Lương, thưởng, phụ cấp	93.280.000	-

31. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2025. Các báo cáo tài chính này đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty kiểm toán khác.

Người đại diện theo pháp luật



Trần Đình Hoàng

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2026

Phụ trách Kế toán



Người lập biểu

